TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25-11-2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh;

2. Ông Nguyễn Ngọc Nghĩa.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 254/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Phạm Trường G, sinh năm 1996. Nơi ĐKHKTT: Số 30, ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh T. Địa chỉ cư trú hiện nay: 851 Đại lộ Bình Dương, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1997. Địa chỉ: Số 11/32 đường ĐX 075, Khu phố 3, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 6 năm 2021,bản tự gửi đến Tòa án, nguyên đơn là ông Huỳnh Phạm Trường G trình bày:

Ông Huỳnh Phạm Trường G và bà Nguyễn Thị Thu T kết hôn với nhau vào năm 2020, hôn nhân của ông G và bà T là tự nguyện, hai bên có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, TP. T, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 25/10/2020.

Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân giữa ông G và bà T không hạnh phúc, thường

xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng cố gắng duy trì hôn nhân nhưng không có kết quả. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trong, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Ông G yêu cầu được ly hôn với bà T.

Trong thời gian chung sống, ông G và bà T có 01 con chung tên Huỳnh Nguyễn Phương T, sinh ngày 26/5/20XX, hiện con chung đang chúng sống với bà T. Sau khi ly hôn, do con còn nhỏ nên ông G thống nhất giao con chung là cháu T cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông G không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản tự khai nộp cho Tòa án, bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Bà Th thống nhất như lời trình bày của ông G về việc kết hôn, thời điểm kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng giữa ông G và bà T.

Về con chung, bà T và ông G có 01 con chung là cháu Huỳnh Nguyễn Phương T, sinh ngày 26/5/20XX. Hiện con chung đang chúng sống với bà T.

Nay do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà T thống nhất việc ly hôn với ông G.

Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, bà T không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ngoài những lời trình bày theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu do nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn và bị đơn không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác và đều có đơn đề nghị hòa giải, xát xử vắng mặt đối với họ

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Quá trình điều tra, việc thu thập chứng cứ, hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ và tống đạt văn bản tố tụng được Tòa án thực hiện đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông G và bà T chung sống như vợ chồng và có tiến hành đăng ký kết hôn với nhau theo quy định. Nay do mâu thuẫn vợ chồng và cả hai đều có nguyện vọng được ly hôn. Vì vậy, Yêu cầu về việc xin ly hôn của ông G đối với bà T là có căn cứ chấp nhận. Về con chung, ông G và bà T đều thống nhất việc giao con chung là cháu Huỳnh Nguyễn Phương T, sinh ngày 26/5/20XX, cho bà Thảo trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay cháu T đang chung sống ổn định với bà T. Vì vậy, việc giao con chung cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, do bà T không yêu cầu nên ông G không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện ông Huỳnh Phạm Trường G là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu T có địa chỉ cư trú tại phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Quá trình giải quyết vụ án, ông G và bà T đã có lời khai thể hiện ý kiến của mình và đều có đơn đề nghị hòa giải, xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông G và bà T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Phạm Trường G và bà Nguyễn Thị Thu T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25, ngày 10/4/2020, được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Ông G và bà T đều xác định, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và không thể hòa giải được với nhau. Do đó, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông G và bà T là có thật và đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông G yêu cầu ly hôn với bà T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng ông G và bà T có 01 con chung là cháu Huỳnh Nguyễn Phương T, sinh ngày 26/5/20XX. Hiện tại, con chung đang sống cùng bà T, điều kiện chăm sóc, giáo dục được đảm bảo. Vì vậy, việc giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà T không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Ông Huỳnh Phạm Trường G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Phạm Trường G đối với bị đơn Nguyễn Thị Thu T về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Phạm Trường G được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu T.

- Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Nguyễn Phương T, sinh ngày 26/5/2020 cho bà Nguyễn Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Huỳnh Phạm Trường G không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Huỳnh Phạm Trường G đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục con chung thì người đang trực tiếp nuôi có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Phạm Trường G phải chịu 300.000đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số AA/2016/0056467 ngày 08/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự (02);
- Lưu: VT, HS (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Thiện